

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU PVCOM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 (ngày thành lập Quỹ)
đến ngày 31 tháng 12 năm 2020



Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ	3
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	4 - 8
Báo cáo của Ngân hàng Giám sát	9
Báo cáo kiểm toán độc lập	10 - 11
Báo cáo thu nhập	12
Báo cáo tình hình tài chính	13 - 14
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ	15
Báo cáo danh mục đầu tư	16
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	17 - 18
Thuyết minh báo cáo tài chính	19 - 46

Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM

THÔNG TIN CHUNG

Quỹ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM ("Quỹ") được thành lập ngày 07 tháng 02 năm 2020 dưới hình thức quỹ mở theo Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006, Luật số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quy chế thành lập và quản lý quỹ mở, Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 1 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở và các văn bản pháp luật có liên quan. Quỹ được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 41/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp ngày 07 tháng 02 năm 2020. Theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Quỹ có vốn điều lệ đã huy động được trong đợt phát hành Chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng là 50.100.000.000 VND, tương đương với 5.010.000,00 Chứng chỉ Quỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, vốn góp bằng mệnh giá của Nhà đầu tư vào Quỹ là 62.044.598.100 VND, tương đương với 6.204.459,81 chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ hướng tới việc bảo toàn vốn, nhưng vẫn tối đa hóa lợi nhuận và tăng thanh khoản cho Chứng chỉ Quỹ mà Nhà đầu tư đang nắm giữ thông qua việc đầu tư vào các công cụ thu nhập cố định có chất lượng tốt, thanh khoản cao như: trái phiếu Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu doanh nghiệp niêm yết, tin phiếu, chứng chỉ tiền gửi và giấy tờ có giá khác được phát hành tại Việt Nam.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ có thể được thay đổi theo từng thời điểm phụ thuộc vào điều kiện thị trường và quyết định của Đại hội Nhà đầu tư nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho Nhà đầu tư, nhưng vẫn đảm bảo tuân thủ các quy định của Pháp luật hiện hành.

Công ty Quản lý Quỹ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (sau đây được gọi tắt là "Công ty Quản lý Quỹ"). Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 23/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 12 năm 2007 và Giấy phép sửa đổi gần nhất số 48/GPDC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10 tháng 08 năm 2020.

Công ty Quản lý Quỹ được sở hữu 99,97% bởi Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (Ngân hàng mẹ), một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty Quản lý Quỹ bao gồm: quản lý danh mục đầu tư, quản lý quỹ và cung cấp các dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán theo các quy định của pháp luật. Công ty có Trụ sở chính tại tầng 9, Tòa nhà Hapro, Số 11B, Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ cho giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là Ông Trần Quang Vinh - chức danh: Giám đốc.

Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng Giám sát của Quỹ là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành.

Chức năng của Ngân hàng Giám sát bao gồm lưu trữ hồ sơ, hoạt động lưu ký chứng khoán, thanh toán và đăng ký giao dịch chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Ngân hàng Giám sát được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ.

Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện của Quỹ trong giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 và tại ngày lập báo cáo tài chính này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Kiều Phương Khoan	Chủ tịch, Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 11 năm 2019
Ông Phạm Thiên Quang	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 11 năm 2019
Bà Trần Thị Thanh Huyền	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 11 năm 2019
Ông Nguyễn Việt Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 11 năm 2019

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Quỹ.

Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM ("Quỹ") cho giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng kỳ kế toán của Quỹ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, danh mục đầu tư, kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Công ty Quản lý Quỹ được yêu cầu phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được thiết lập và lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính cho cho giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại diện Quỹ phê duyệt báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ



Ông Kiều Phương Khoan
Chủ tịch

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 03 năm 2021

Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

1. THÔNG TIN VỀ QUỸ

- a. Tên của quỹ: Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVcom (PVBF)
- b. Loại hình quỹ: Quỹ mở
- c. Mục tiêu đầu tư của quỹ:

Quỹ hướng tới mục tiêu bảo toàn vốn, nhưng vẫn tối đa hóa lợi nhuận và tăng thanh khoản cho chứng chỉ quỹ mà nhà đầu tư đang nắm giữ thông qua việc đầu tư vào các công cụ thu nhập cố định có chất lượng tốt, thanh khoản cao như: trái phiếu chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu doanh nghiệp niêm yết, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi và giấy tờ có giá khác được phát hành tại Việt Nam.

- d. Thời hạn hoạt động của quỹ: Không giới hạn
- e. Danh mục tham chiếu (benchmark portfolio): Không có
- f. Chính sách phân chia lợi nhuận:

Công ty Quản lý Quỹ được phân chia lợi nhuận của Quỹ cho nhà đầu tư theo quy định tại Điều lệ quỹ và chính sách phân chia lợi nhuận đã được công bố tại bản cáo bạch. Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận để lại hoặc từ thu nhập của Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định; ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn. Lịch trình và kế hoạch thực hiện phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.

- g. Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành: 6.204.459,81 chứng chỉ quỹ
- h. Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo:

Theo Thông báo số 112/QLQ-PVBF của PVCB Capital gửi UBCKNN ngày 19/03/2020 về việc sửa đổi Điều lệ Quỹ PVBF, các nội dung sửa đổi bao gồm:

STT	Khoản mục, điều của Điều lệ cũ	Khoản mục, điều của Điều lệ mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
1	<p>Điểm a Khoản 1 Điều 62:</p> <p>a) Giá dịch vụ Quản lý Quỹ được trả cho Công ty Quản lý Quỹ để thực hiện dịch vụ quản lý quỹ. Giá dịch vụ Quản lý Quỹ được tính theo tỷ lệ phần trăm trên NAV của Quỹ. Giá dịch vụ quản lý Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVcom là 1% NAV/năm (một phần trăm Giá trị tài sản ròng của Quỹ trên năm). Giá dịch vụ Quản lý Quỹ có thể tăng khi được Đại hội nhà đầu tư gần nhất thông qua.</p> <p>Tổng Giá dịch vụ quản lý quỹ và các chi phí khác mà Quỹ chỉ trả cho Công ty Quản lý Quỹ đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật.</p>	<p>Điểm a Khoản 1 Điều 62:</p> <p>a) Giá dịch vụ Quản lý Quỹ được trả cho Công ty Quản lý Quỹ để thực hiện dịch vụ quản lý quỹ. Giá dịch vụ Quản lý Quỹ được tính theo tỷ lệ phần trăm trên NAV của Quỹ. Giá dịch vụ quản lý Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVcom là 0,5% NAV/năm (không phải năm phần trăm Giá trị tài sản ròng của Quỹ trên năm). Giá dịch vụ Quản lý Quỹ có thể tăng khi được Đại hội nhà đầu tư gần nhất thông qua.</p> <p>Tổng Giá dịch vụ quản lý quỹ và các chi phí khác mà Quỹ chỉ trả cho Công ty Quản lý Quỹ đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật.</p>	<p>Nhằm mục tiêu mang lại mức lợi suất tốt nhất cho các Nhà đầu tư khi tham gia vào Quỹ PVBF.</p>

Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

1. THÔNG TIN VỀ QUỸ (tiếp theo)

i. Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo cáo:

Theo Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư số 01/2020/NQ-PVBF ngày 19/03/2020 về việc giảm giá dịch vụ quản lý quỹ và miễn trả thù lao cho Ban đại diện của Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVcom, các nội dung được thông qua gồm:

	Mức hiện tại	Mức đề xuất
Giá dịch vụ quản lý quỹ trả cho Công ty Quản lý Quỹ	1%/giá trị tài sản ròng của quỹ/năm	0,5%/giá trị tài sản ròng của quỹ/năm
Thù lao trả cho Ban Đại diện quỹ	3.000.000 VND/người/tháng	Miễn trả thù lao

j. Ý kiến nhận xét của Ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại Điều 45 Thông tư hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở: Công ty quản lý quỹ đã đáp ứng đúng các quy định tại điều 45 Thông tư hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở.

2. BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

a) Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ tại thời điểm 31/12/2020, cụ thể:

- Danh mục đầu tư của quỹ:

Danh mục đầu tư	Tỷ trọng trong tổng tài sản (%)
Trái phiếu	43,40%
Cổ phiếu	7,48%
Chứng chỉ tiền gửi	44,63%
Hợp đồng tiền gửi	0,00%
Tài sản khác	4,49%
Tổng tài sản	100,00%

- Giá trị tài sản ròng của quỹ tại thời điểm 31/12/2020: 66.260.436.320 VND
- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại thời điểm 31/12/2020: 10.679,48 VND/CCQ
- Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại thời điểm 31/12/2020: 6.204.459,81 CCQ
- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ thấp nhất/cao nhất trong năm 2020: 9.990,60 - 10.679,48 VND/CCQ
- Tổng lợi nhuận của quỹ:

I	Thu nhập ròng từ hoạt động đầu tư (1.1+1.2+1.3)	3.397.179.470
1.1	Cổ tức, trái tức được nhận từ trái phiếu	1.921.052.478
1.2	Lãi được nhận từ CCTG và HĐTG	2.415.859.420
1.3	Chi phí	(939.732.428)
II	Lãi/(lỗ) từ đầu tư trái phiếu	313.266.081
III	Tổng lợi nhuận của quỹ sau thuế (III=I+II)	3.710.445.551

- Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ (giá trị thuần và giá trị gộp) trong kỳ báo cáo: Không có.
- Thời điểm phân chia lợi nhuận: Không có.
- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước và sau thời điểm phân chia lợi nhuận: Không có.

Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

2. BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

- Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ và thuyết minh về việc chênh lệch chi phí hoạt động của quỹ:

Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo 07/02 - 31/12/2020
Tỷ lệ chi phí hoạt động/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)	1,89%

- Tốc độ vòng quay danh mục và thuyết minh về việc chênh lệch tốc độ vòng quay của danh mục:

Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo 07/02 - 31/12/2020
Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ (%) = (Tổng giá trị danh mục mua vào + tổng giá trị danh mục bán ra)/(2 x Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ)	77,07%

- b) Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ:

Tổng lợi nhuận bình quân năm của quỹ phát sinh trong kỳ báo cáo xác định:

Trong thời hạn 12 tháng (1 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 1 năm)	3.710.445.551
---	---------------

- c) Các chỉ tiêu so sánh khác, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc:

- Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác: Phương pháp giá trị tài sản được quy định trong sổ tay định giá được lập bởi Công ty Quản lý quỹ và được rà soát bởi Ngân hàng Giám sát BIDV - Chi nhánh Hà Thành.
 - Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập: Giá chứng khoán được cung cấp bởi các cơ quan và tổ chức uy tín trên thị trường như HNX, HSX.
- d) Báo cáo đã nêu rõ khuyến cáo rằng các thông tin về kết quả hoạt động của quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.

3. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ TÀI SẢN CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ phải bao gồm các nội dung sau:

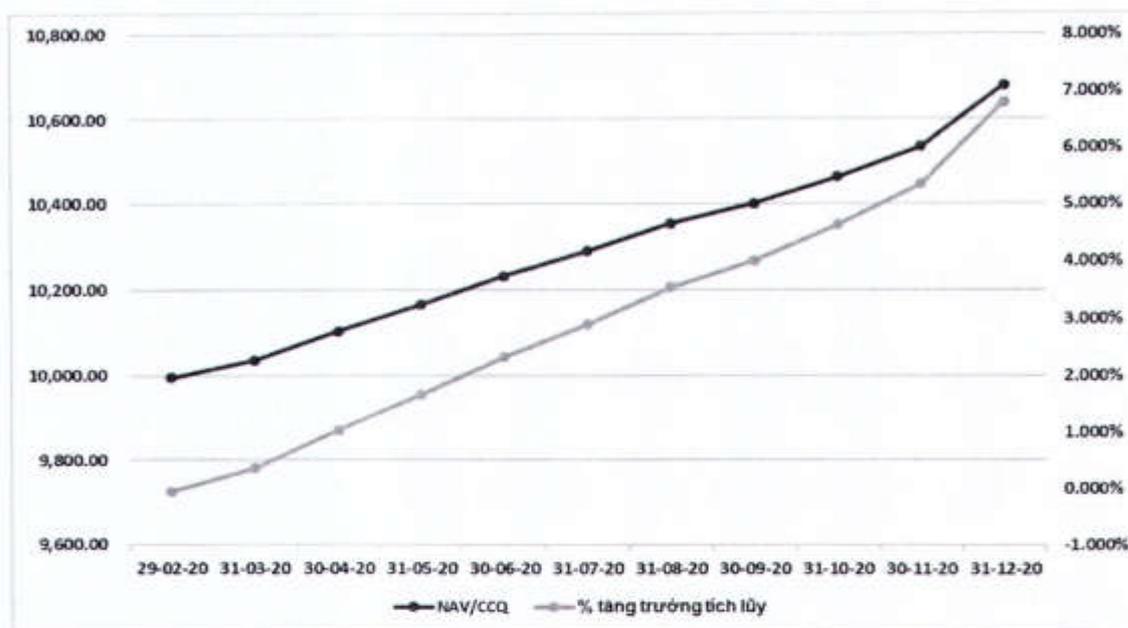
- a) Thuyết minh về việc thay đổi Công ty quản lý quỹ: Không có;
- b) Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư: Trong giai đoạn từ 07/02/2020 đến 31/12/2020, quỹ đã ghi nhận mức tăng trưởng 6,79%, tương đương với mức quy năm khoảng 7,61%/năm;
- c) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bảng đồ thị): Không có;
- d) Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo: Hoạt động đầu tư của Quỹ được thực hiện theo nguyên tắc thận trọng tập trung đầu tư vào các tài sản an toàn nhưng có lợi suất cố định tốt như chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu niêm yết và Hợp đồng tiền gửi. Công ty Quản lý Quỹ cũng nghiên cứu đánh giá các biến động của thị trường lãi suất, cũng như mức rủi ro tiềm ẩn của mỗi loại tài sản đầu tư để quyết định phân bổ tỷ trọng đầu tư phù hợp với mục tiêu của quỹ và các hạn chế theo luật chứng khoán liên quan;

Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

3. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ TÀI SẢN CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

- e) Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, tại kỳ báo cáo này tại kỳ báo cáo gần nhất:



- f) Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà quỹ đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản: Cổ phiếu, cổ phiếu blue-chip, cổ phiếu các công ty có mức vốn hóa thấp (small - cap);

Kinh tế vĩ mô: Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2020 ước tính tăng 2,91% so với năm trước, tuy là mức tăng thấp nhất của các năm trong giai đoạn 2011 - 2020 nhưng trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng tiêu cực tới mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội thì đây là thành công lớn của Việt Nam với mức tăng trưởng năm 2020 thuộc nhóm cao nhất thế giới.

Thị trường tiền tệ: Lãi suất trái phiếu chính phủ đã tăng trở lại vào thời điểm cuối tháng 12/2020 và tuần đầu tiên của tháng 01/2021, các kỳ hạn ngắn đã quay trở lại mặt bằng lãi suất của tháng 09/2020. Tuy vậy, lãi suất liên ngân hàng cũng như lãi suất huy động tiền gửi chưa có nhiều thay đổi, do đó việc tăng này không xuất phát từ yếu tố thanh khoản của các ngân hàng. Với bối cảnh kinh tế hiện tại, chúng tôi cho rằng dù lãi suất có thể có những biến động trong ngắn hạn, nhưng mặt bằng lãi suất vẫn sẽ được duy trì ở mức thấp trong thời gian tới.

- g) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ: Không có;
h) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ: Không có;
i) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan: Không có;
j) Các thông tin khác: Không có.

4. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

- a) Thuyết minh về việc thay đổi Ngân hàng giám sát: Không có;
b) Việc đầu tư đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan;
c) Việc xác định giá trị tài sản ròng đã phù hợp với quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch và các văn bản pháp luật liên quan;
d) Việc phát hành bổ sung, mua lại chứng chỉ quỹ đã phù hợp với quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch và các văn bản pháp luật liên quan;
e) Trong kỳ, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho Nhà đầu tư.

Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

5. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG ỦY QUYỀN

- a) Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ:

Tổng các chi phí ủy quyền từ 07/02/2020 - 31/12/2020	Số tiền (VND) hoặc tỷ lệ %
Tổng chi phí ủy quyền trong kỳ (VND)	535.445.829
% Tổng chi phí ủy quyền/Lợi nhuận	14,43%
% Tổng chi phí ủy quyền/Thu nhập	15,76%
% Tổng chi phí ủy quyền/Tổng chi phí	56,98%

- b) Các ảnh hưởng của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ: không có;
- c) Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ): Ngân hàng BIDV - chi nhánh Hà Thành nhận ủy quyền cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ. Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam nhận ủy quyền cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng.

Tổng các chi phí ủy quyền từ 07/02/2020 - 31/12/2020	Giá trị (VND)
Phí lưu ký	197.862.069
Phí Giám sát	57.162.069
Phí quản trị quỹ	171.486.207
Phí đại lý chuyển nhượng	108.935.484
Tổng	535.445.829

- d) Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư: Dịch vụ Đại lý chuyển nhượng được ủy quyền cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD). Dịch vụ lưu ký, giám sát và quản trị quỹ được ủy quyền cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Hà Thành.

Theo đánh giá của PVCB Capital, VSD và BIDV - Chi nhánh Hà Thành đều là các đơn vị có uy tín, kinh nghiệm trên thị trường, với đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn cao, tinh chuyên nghiệp trong quá trình cung cấp dịch vụ, có hệ thống phần mềm theo chuẩn quốc tế và các phòng, bộ phận chức năng được thiết lập và hoạt động độc lập. Vì vậy, khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, dự phòng thảm họa và tác bên nhận ủy quyền cho quỹ PVBF được đảm bảo hoạt động thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư cũng như công ty quản lý quỹ.

Trên đây là báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ trong năm 2020 của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (PVCB Capital).

Trân trọng ./.

Giám đốc ✓
Công ty CP Quản lý quỹ
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam



Trần Quang Vinh

**BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU PVCOM**

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu PVcom ("Quỹ") cho giai đoạn từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này, Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- a) Công ty CP Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- c) Việc phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

d) Trong kỳ, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho Nhà Đầu Tư.



ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

NHÂN VIÊN GIÁM SÁT

Bà Ngô Thị Thu Cúc
Phó Giám đốc

Trần Thị Hồng Ngoan

Handwritten notes and stamps on the right margin, including a red stamp that reads 'HÀNG Ồ PHỤ NG AM - T.P.'.

Số tham chiếu: 61603446/22073638/PVBF

BÁO CÁO KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: Các Nhà đầu tư
Quý Đầu tư Trái phiếu PVCOM**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM (“Quỹ”), được lập ngày 29 tháng 03 năm 2021 và được trình bày từ trang 12 đến trang 46, bao gồm báo cáo tình hình tài chính và báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam là công ty quản lý quỹ của Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

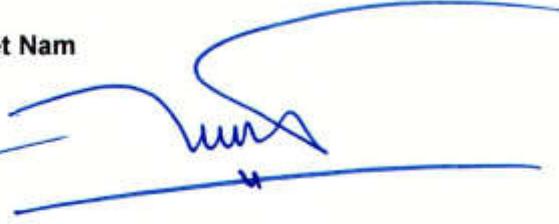
Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Đặng Phương Hà
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2400-2018-004-1



Nguyễn Văn Trung
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 3847-2021-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO THU NHẬP

cho giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 (ngày thành lập Quỹ)
đến ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Giai đoạn tài chính từ 07/02/2020 đến 31/12/2020 VND
1	I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		4.650.177.979
3	1.1. Tiền lãi được nhận		4.336.911.898
4	1.2. Lãi bán các khoản đầu tư		98.811.347
5	1.3. Chênh lệch tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5	214.454.734
10	II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ		22.437.775
11	2.1. Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	6	22.437.775
20	III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ		917.294.653
20.1	3.1. Giá quản lý quỹ mở	18.1	275.063.386
20.2	3.2. Giá dịch vụ lưu ký tài sản quỹ mở	18.2	198.292.033
20.3	3.3. Giá dịch vụ giám sát	18.2	57.162.069
20.4	3.4. Giá dịch vụ quản trị quỹ mở	18.2	171.486.207
20.5	3.5. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng		108.935.484
20.7	3.6. Chi phí và thù lao ban đại diện quỹ	18.1	16.484.983
20.8	3.7. Chi phí kiểm toán		77.000.000
20.10	3.8. Chi phí hoạt động khác	7	12.870.491
23	IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		3.710.445.551
24	V. KẾT QUẢ THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC		-
30	VI. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ	15	3.710.445.551
31	6.1. Lợi nhuận đã thực hiện		3.495.990.817
32	6.2. Lợi nhuận chưa thực hiện		214.454.734
40	VII. CHI PHÍ THUẾ TNDN		-
41	VIII. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		3.710.445.551

Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam



Ông Nguyễn Thời Đại
Kế toán Trưởng




Ông Trần Quang Vinh
Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
	I. TÀI SẢN		
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	10	41.024.779
111	1.1. Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ		41.024.779
120	2. Các khoản đầu tư thuần	9	63.560.977.042
121	2.1. Các khoản đầu tư		63.560.977.042
	2.1.1. Cổ phiếu		4.978.500.000
	2.1.2. Trái phiếu		28.882.477.040
	2.1.3. Chứng chỉ tiền gửi		29.700.000.002
130	3. Các khoản phải thu	11	2.948.529.591
133	3.1. Phải thu tiền lãi các khoản đầu tư		2.948.529.591
136	3.1.1. Dự thu tiền lãi chưa đến ngày nhận		2.948.529.591
100	TỔNG TÀI SẢN		66.550.531.412
	II. NỢ PHẢI TRẢ		
313	1. Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ và Công ty Quản lý Quỹ		20.842.485
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		2.552.241
316	3. Chi phí phải trả	12	83.367.782
318	4. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ		30.991.645
319	5. Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	13	152.340.939
300	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		290.095.092
400	III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ		66.260.436.320
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư	14	62.044.598.100
412	1.1. Vốn góp phát hành		70.636.387.100
413	1.2. Vốn góp mua lại		(8.591.789.000)
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư	14	505.392.669
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	15	3.710.445.551
430	IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ		10.679,48
440	V. LỢI NHUẬN ĐÃ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ		-

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ
cho giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 (ngày thành lập Quỹ)
đến ngày 31 tháng 12 năm 2020

STT	CHỈ TIÊU	Giai đoạn tài chính từ 07/02/2020 đến 31/12/2020 VND
I	Giá trị tài sản ròng đầu kỳ	-
II	Thay đổi giá trị tài sản ròng trong kỳ	3.710.445.551
	<i>Trong đó:</i>	
II.1	Thay đổi giá trị tài sản ròng do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của quỹ mở trong kỳ	3.710.445.551
II.2	Thay đổi giá trị tài sản ròng do phân chia lợi nhuận/tài sản của quỹ mở cho Nhà đầu tư trong kỳ	-
III	Thay đổi giá trị tài sản ròng do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ	62.549.990.769
	<i>Trong đó:</i>	
III.1	Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ	71.503.381.973
III.2	Khoản thanh toán từ việc mua lại chứng chỉ quỹ	(8.953.391.204)
IV	Giá trị tài sản ròng cuối kỳ	66.260.436.320

Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam



Ông Nguyễn Thời Đại
Kế toán Trưởng




Ông Trần Quang Vinh
Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ
tài ngày 31 tháng 12 năm 2020

STT	LOẠI TÀI SẢN	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ %/ Tổng giá trị tài sản của Quỹ
I	CỔ PHIẾU NIÊM YẾT				
1	MBB	120.000	23.000	2.760.000.000	4,15%
2	HPG	30.000	41.450	1.243.500.000	1,87%
3	VPB	30.000	32.500	975.000.000	1,47%
	Tổng	180.000		4.978.500.000	7,49%
II	TRÁI PHIẾU				
	Trái phiếu niêm yết				
	Trái phiếu doanh nghiệp - MSR118001	91.000	101.374,04	9.225.037.640	13,86%
	Trái phiếu doanh nghiệp - VPL11810	95.000	100.019,32	9.501.835.400	14,28%
	Trái phiếu doanh nghiệp - MSN12001	50.000	103.112,08	5.155.604.000	7,74%
	Trái phiếu chưa niêm yết				
	Trái phiếu doanh nghiệp - BONDHDG/2020.02	50	100.000.000	5.000.000.000	7,51%
	Tổng	236.050		28.882.477.040	43,39%
III	CÁC TÀI SẢN KHÁC				
1	Phải thu lãi trái phiếu			943.691.233	1,42%
2	Phải thu lãi tiền gửi			2.004.838.358	3,01%
	Tổng			2.948.529.591	4,43%
IV	TIỀN				
1	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ mở			10.018.094	0,02%
2	Chứng chỉ tiền gửi			29.700.000.002	44,62%
3	Tài khoản thanh toán mua lại chứng chỉ quỹ			30.991.652	0,05%
4	Tiền mua chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư			15.033	0,00%
	Tổng			29.741.024.781	44,69%
IV	TỔNG GIÁ TRỊ DANH MỤC	416.050		66.550.531.412	100,00%

Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam



Ông Nguyễn Thời Đại
Kế toán Trưởng




Ông Trần Quang Vinh
Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

cho giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 (ngày thành lập Quỹ)
đến ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Giai đoạn tài chính từ 07/02/2020 đến 31/12/2020 VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		3.710.445.551
02	<i>Điều chỉnh</i>		
03	- Đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện		(214.454.734)
05	2. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động		3.495.990.817
06	- Tăng các khoản đầu tư		(63.346.522.308)
07	- Tăng dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư		(2.948.529.591)
11	- Tăng phải trả các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ		20.842.485
13	- Tăng phải trả thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		2.552.241
15	- Tăng phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ		30.991.645
16	- Tăng phải trả phải nộp khác		83.367.782
17	- Tăng phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở		152.340.939
19	Tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(62.508.965.990)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
31	Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ mở	14	71.503.381.973
32	Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ mở	14	(8.953.391.204)
30	Tiền thuần từ hoạt động tài chính		62.549.990.769
40	III. Tăng tiền thuần trong kỳ		41.024.779

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 (ngày thành lập Quỹ)
đến ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Giai đoạn từ 07/02/2020 đến 31/12/2020 VND
50	IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		-
51	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ		
52	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ mở		-
53	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ		-
55	V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	10	41.024.779
56	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ		
57	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ mở		41.009.746
58	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ		15.033
60	VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong kỳ		41.024.779

Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam



Ông Nguyễn Thời Đại
Kế toán Trưởng



Ông Trần Quang Vinh
Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 03 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1.1 Thông tin về Quỹ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM (“Quỹ”) được thành lập ngày 07 tháng 02 năm 2020 dưới hình thức quỹ mở theo Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006, Luật số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quy chế thành lập và quản lý quỹ mở, Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 1 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở và các văn bản pháp luật có liên quan. Quỹ được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 41/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) cấp ngày 07 tháng 02 năm 2020 và Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 78/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 24 tháng 09 năm 2019. Theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Điều lệ hoạt động của Quỹ ban hành ngày 07 tháng 02 năm 2020 và sửa đổi lần cuối theo thông báo sửa đổi Điều lệ Quỹ số 112/QLQ-PVBF ngày 19 tháng 03 năm 2020.

Công ty Quản lý Quỹ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (sau đây được gọi tắt là “Công ty Quản lý Quỹ”). Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 23/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 12 năm 2007 và Giấy phép sửa đổi gần nhất số 48/GPDC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10 tháng 08 năm 2020.

Công ty Quản lý Quỹ được sở hữu 99,97% bởi Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (Ngân hàng mẹ), một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty Quản lý Quỹ bao gồm: quản lý danh mục đầu tư, quản lý quỹ và cung cấp các dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán theo các quy định của pháp luật.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ

Quỹ có địa chỉ liên hệ và Công ty Quản lý quỹ có Trụ sở chính tại tầng 9, Tòa nhà Hapro, Số 11B, Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng Giám sát của Quỹ là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành.

Chức năng của Ngân hàng Giám sát bao gồm lưu trữ hồ sơ, hoạt động lưu ký chứng khoán, thanh toán và đăng ký giao dịch chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Ngân hàng Giám sát được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ

Quy mô vốn

Quỹ có vốn điều lệ đã huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng là 50.100.000.000 VND, tương đương với 5.010.000,00 chứng chỉ quỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, vốn góp bằng mệnh giá của Nhà đầu tư vào Quỹ là 62.044.598.100 VND, tương đương với 6.204.459,81 chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ hướng tới việc bảo toàn vốn, nhưng vẫn tối đa hóa lợi nhuận và tăng thanh khoản cho chứng chỉ quỹ mà Nhà đầu tư đang nắm giữ thông qua việc đầu tư vào các công cụ thu nhập cố định có chất lượng tốt, thanh khoản cao như: trái phiếu Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu doanh nghiệp niêm yết, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi và giấy tờ có giá khác được phát hành tại Việt Nam.

Xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ

Ngày định giá

Ngày định giá là ngày xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ. Từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, tần suất giao dịch của Quỹ là một (01) lần một (01) tuần vào ngày thứ Tư hàng tuần; đối với kỳ định giá hàng tháng, quý, năm, Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định vào ngày đầu tiên của tháng tiếp theo. Trong trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì ngày định giá là ngày làm việc tiếp theo liền sau đó.

Xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ

Giá trị tài sản ròng cho mỗi Đơn vị Quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số Đơn vị Quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng là tổng giá trị thị trường của các tài sản có trong danh mục trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ, bao gồm các khoản nợ, các nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng cho mỗi Đơn vị Quỹ được tính cho mỗi ngày giao dịch của Quỹ sẽ được làm tròn đến xuống hai (2) chữ số thập phân.

Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ

Nhà đầu tư có thể mua, bán, chuyển đổi chứng chỉ quỹ định kỳ vào ngày thứ Tư hàng tuần ("Ngày giao dịch"). Trong trường hợp ngày giao dịch chứng chỉ quỹ định kỳ nêu trên trùng vào các ngày nghỉ lễ, kể cả ngày nghỉ bù, làm bù theo quy định của pháp luật thì ngày giao dịch đó sẽ được chuyển sang ngày làm việc kế tiếp hoặc ngày khác (nếu ngày kế tiếp vẫn là ngày nghỉ lễ) theo thông báo của Công ty Quản lý Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ sẽ thông báo về ngày giao dịch bù này trước ít nhất hai (02) tuần trên trang web của Công ty Quản lý Quỹ.

Việc tăng/giảm tần suất giao dịch sẽ được Công ty Quản lý Quỹ thông báo công khai tại bản cáo bạch, thông báo cho Ngân hàng Giám sát và công bố thông tin theo quy định của pháp luật. Việc tăng/giảm tần suất này sẽ được báo cáo Đại hội Nhà đầu tư gần nhất kế tiếp và cập nhật trong Điều lệ của Quỹ.

Việc tăng/giảm tần suất giao dịch sẽ được Đại hội Nhà đầu tư gần nhất thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ được đa dạng hóa và đáp ứng được các điều kiện của pháp luật. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc sau:

- ▶ Đầu tư ít nhất tám mươi phần trăm (80%) giá trị tài sản ròng trở lên của Quỹ vào các loại tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ có thu nhập cố định khác;
- ▶ Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản Quỹ vào tiền gửi tại các ngân hàng thương mại; ngoại tệ, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng; cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành; chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại các Sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro, phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau, trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh là giá trị cam kết của hợp đồng được xác định theo quy định tại Điều lệ Quỹ;
- ▶ Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, kể cả các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu (trừ trái phiếu Chính phủ); cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi;
- ▶ Không đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ trái phiếu Chính phủ;
- ▶ Không đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành;
- ▶ Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi, công cụ tiền tệ, giấy tờ có giá và các công cụ có thu nhập cố định khác được phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản;
- ▶ Trường hợp đầu tư vào cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành phải đáp ứng điều kiện sau:
 - Đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện;
 - Có đủ tài liệu chứng minh tổ chức phát hành sẽ hoàn tất hồ sơ đăng ký giao dịch hoặc niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán trong thời hạn mười hai (12) tháng, kể từ ngày thực hiện giao dịch.
- ▶ Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- ▶ Không được đầu tư vào các quỹ đầu tư chứng khoán, cổ phiếu của các công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam; và
- ▶ Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại hiếm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

Trừ ba (03) trường hợp cuối kể trên, cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch so với các hạn chế đầu tư và chỉ do các nguyên nhân khách quan sau:

- ▶ Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- ▶ Thực hiện các khoản thanh toán phù hợp với pháp luật của Quỹ;
- ▶ Thực hiện lệnh giao dịch của Nhà đầu tư;
- ▶ Hoạt động hợp nhất, sáp nhập của các tổ chức phát hành các chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ;
- ▶ Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sát nhập quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ; và
- ▶ Quỹ đang trong thời gian giải thể.

Trong trường hợp xảy ra sai lệch so với các hạn mức đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ sẽ điều chỉnh danh mục đầu tư để đáp ứng các hạn mức đầu tư trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày mà sai lệch phát sinh.

Trường hợp sai lệch là do Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày phát sinh sai lệch. Trong trường hợp này, Công ty Quản lý Quỹ phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu có phát sinh). Nếu phát sinh lợi nhuận, thì phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Quỹ được lập theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC ("Thông tư số 198") ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở và Thông tư số 181/2015/TT-BTC ("Thông tư số 181") ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục, Thông tư số 183/2011/TT-BTC ("Thông tư số 183") ngày 16 tháng 12 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở và Thông tư số 15/2016/TT-BTC ("Thông tư số 15") ngày 20 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183 và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)

Theo Thông tư số 198, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập
2. Báo cáo tình hình tài chính
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ Quỹ
4. Báo cáo danh mục đầu tư
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
6. Thuyết minh báo cáo tài chính

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa, các báo cáo này không chủ định trình bày tình hình tài chính, danh mục đầu tư, kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ Quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Quỹ là nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán

Các kỳ kế toán năm của Quỹ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Kỳ kế toán đầu tiên của Quỹ bắt đầu từ ngày 7 tháng 02 năm 2020 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Quỹ là đồng Việt Nam ("VND").

3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Quỹ cam kết đã lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 198.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ, tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

4.3 Các khoản đầu tư

Quỹ sẽ chủ yếu đầu tư vào trái phiếu Chính phủ Việt Nam, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu có bảo lãnh của Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp niêm yết và chuẩn bị niêm yết trong vòng 12 tháng (kể từ ngày giao dịch), trái phiếu doanh nghiệp có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành, giấy tờ có giá và các công cụ thu nhập cố định khác.

Ghi nhận ban đầu

Quỹ ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán tại ngày giao dịch.

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được đánh giá lại tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính theo Thông tư số 198.

Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu và tiền gửi ngân hàng, giá mua chưa bao gồm lãi dự thu (giá sạch) được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư", phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận trên khoản mục "Dự thu trái tức, tiền lãi gửi chưa đến ngày nhận" trên báo cáo tình hình tài chính.

Cổ phiếu thưởng và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0) và được đánh giá lại theo giá trị của các cổ phiếu đó vào ngày lập báo cáo tình hình tài chính.

Ghi nhận tiếp theo

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư" trên báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc như sau:

- ▶ Tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi được ghi nhận theo giá gốc;
- ▶ Cổ phiếu niêm yết, chưa niêm yết được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các cổ phiếu này; và
- ▶ Trái phiếu niêm yết được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các trái phiếu này.

Giá trị hợp lý được xác định theo các nguyên tắc định giá được trình bày dưới đây.

Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Ghi nhận tiếp theo (tiếp theo)

Định giá lại cho mục đích tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý. Các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong Điều lệ Quỹ và Thông tư số 183, Thông tư số 15 và sổ tay định giá được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt.

Nguyên tắc định giá

- ▶ Tiền là số dư tiền mặt tại ngày trước ngày định giá.
- ▶ Ngoại tệ là giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá.
- ▶ Tiền gửi có kỳ hạn được xác định là giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.
- ▶ Chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, tín phiếu Kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu được xác định bằng giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.
- ▶ Trái phiếu niêm yết

Giá thị trường là giá yết cuối ngày (*) (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần nhất trong vòng hai (2) tuần tính đến ngày trước ngày định giá cộng lãi lũy kế cụ thể như sau:

- ✓ Trái phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh: Là giá sạch cuối ngày của trái phiếu trên hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế.
- ✓ Trái phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội: Là giá yết cuối ngày của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế.

Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày định giá hoặc giá thị trường có biến động lớn (**) thì giá trái phiếu được sử dụng để định giá là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau:

- ✓ Giá bình quân của các tổ chức báo giá trong danh sách được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt. Báo giá phải được cung cấp bởi ít nhất 3 trong 5 tổ chức báo giá không phải là người là có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá được Ban Đại diện Quỹ lựa chọn. Phương pháp này chỉ áp dụng đối với trái phiếu Chính phủ;
- ✓ Giá yết/giá sạch của kỳ định giá gần nhất nhưng không quá 30 ngày tính đến ngày định giá + lãi lũy kế; hoặc
- ✓ Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc
- ✓ Mệnh giá cộng lãi lũy kế.

Trường hợp trái phiếu bị hủy niêm yết để chờ đáo hạn hoặc không còn đủ điều kiện niêm yết thì giá trái phiếu được sử dụng để định giá bằng mệnh giá cộng lãi lũy kế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Ghi nhận tiếp theo (tiếp theo)

Ghi chú:

(*) Trong trường hợp tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá có nhiều hơn một giao dịch của trái phiếu cần định giá (dẫn đến có nhiều giá yết), giá sử dụng là trung bình cộng của các giá yết đã thực hiện trong ngày đó.

(**) Giá thị trường có biến động lớn được hiểu là giá trái phiếu của kỳ định giá có biến động tăng hoặc giảm từ 1% trở lên (đối với trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương) và biến động tăng hoặc giảm từ 3% trở lên (đối với trái phiếu doanh nghiệp) so với giá trái phiếu của kỳ định giá gần nhất hoặc giá mua nếu không có giá của kỳ định giá gần nhất.

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

▶ Trái phiếu chưa niêm yết:

Giá yết (*) (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất coupon phiếu tính tới ngày trước ngày định giá.

Trong trường hợp không có giá yết trên hệ thống báo giá là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau:

- ✓ Giá mua cộng lãi lũy kế;
- ✓ Mệnh giá cộng lãi lũy kế.

Ghi chú:

(*) Trong trường hợp tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá có nhiều hơn một giao dịch của trái phiếu cần định giá (dẫn đến có nhiều giá yết), giá sử dụng là bình quân của các giá yết đã thực hiện trong ngày đó.

▶ Cổ phiếu

i. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội: được đánh giá theo giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch Chứng khoán) tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;

Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày trước ngày định giá, là một trong các mức giá sau:

- ✓ Giá trị sổ sách; hoặc
- ✓ Giá mua; hoặc
- ✓ Giá được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

ii. Cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom: được đánh giá theo giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở Giao dịch Chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;

Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày trước ngày định giá, là một trong các mức giá sau:

- ✓ Giá trị sổ sách; hoặc
- ✓ Giá mua; hoặc
- ✓ Giá được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Ghi nhận tiếp theo (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

▶ **Cổ phiếu (tiếp theo)**

- iii. Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch được định giá dựa trên:

Giá trị trung bình của các giao dịch thực hiện thành công được cung cấp tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá dựa trên báo giá của tối thiểu ba (3) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Trường hợp không có báo giá của tối thiểu ba (3) tổ chức báo giá, là một trong các mức sau:

- ✓ Giá trung bình từ các báo giá; hoặc
- ✓ Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (3) tháng tính đến ngày định giá;
- ✓ Giá trị sổ sách; hoặc
- ✓ Giá mua; hoặc
- ✓ Giá được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

- iv. Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch được xác định là một trong các giá sau:

- ✓ Giá trị sổ sách; hoặc
- ✓ Mệnh giá; hoặc
- ✓ Giá được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

- v. Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể phá sản được xác định là một trong các mức giá sau:

- ✓ 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc
- ✓ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

- vi. Cổ phần, phần vốn góp khác được định giá là một trong các mức giá sau:

- ✓ Giá trị sổ sách; hoặc
- ✓ Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc
- ✓ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

▶ **Chứng khoán phái sinh**

- ✓ Chứng khoán phái sinh niêm yết là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.
- ✓ Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng hai (2) tuần trở lên giá được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

▶ **Các tài sản khác**

- ✓ Là các tài sản được phép đầu tư khác;
- ✓ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Lãi/lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư

Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập theo quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành.

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Lãi/lỗ từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tại cuối ngày giao dịch.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, phải thu và dự thu cổ tức, lãi trái phiếu, tiền lãi gửi ngân hàng, tiền lãi chứng chỉ tiền gửi và phải thu khác. Các khoản phải thu được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn gốc của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

4.5 Các khoản phải trả

Phải trả hoạt động đầu tư và các khoản phải trả khác được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính theo nguyên giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.6 Dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Quỹ có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Quỹ có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

4.7 Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của Nhà Đầu tư

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại là vốn chủ sở hữu. Mỗi Đơn vị Quỹ có mệnh giá là 10.000 VND.

Số lượng chứng chỉ quỹ sau khi phân phối là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.

Vốn góp phát hành

Vốn góp phát hành phản ánh nguồn vốn đầu tư của Quỹ do các Nhà đầu tư góp vốn vào Quỹ theo phương thức mua chứng chỉ quỹ ở phát hành lần đầu và các lần tiếp theo. Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá.

Vốn góp mua lại

Vốn góp mua lại phản ánh tình hình mua lại chứng chỉ quỹ của các Nhà đầu tư tại các kỳ giao dịch chứng chỉ quỹ. Vốn góp mua lại được phản ánh theo mệnh giá.

Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư

Thặng dư vốn thể hiện chênh lệch giữa giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ và mệnh giá đối với các chứng chỉ quỹ được phát hành/mua lại.

Lợi nhuận/(lỗ) chưa phân phối

Lợi nhuận/(lỗ) chưa phân phối phản ánh lãi/(lỗ) chưa phân phối lũy kế tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện lũy kế và lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện lũy kế.

Lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện trong năm là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu sau khi loại trừ phần chênh lệch tăng/(giảm) do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện với tổng các khoản chi phí của Quỹ phát sinh trong năm.

Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện trong năm là chênh lệch tăng/(giảm) do đánh giá lại các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ phát sinh trong năm.

Cuối năm tài chính, Quỹ xác định lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện và lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện trong năm và ghi nhận vào "Lợi nhuận/(lỗ) chưa phân phối".

Lợi nhuận/Tài sản phân phối cho Nhà đầu tư

Khoản mục này phản ánh số lợi nhuận/tài sản đã phân phối trong năm cho Nhà đầu tư và việc kết chuyển số lợi nhuận đã phân phối sang tài khoản lợi nhuận chưa phân phối vào cuối năm.

Quỹ ghi nhận lợi nhuận/tài sản phân phối cho Nhà đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.8 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quý có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu.

Tiền lãi

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi tại ngân hàng, chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu được ghi nhận vào báo cáo thu nhập trên cơ sở dự trừ khi khả năng thu lãi không chắc chắn.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được thông báo giao dịch từ các công ty chứng khoán và Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

4.9 Chi phí và giá dịch vụ

Các chi phí và giá dịch vụ được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Quý phát sinh một số chi phí và giá dịch vụ chủ yếu như sau:

Giá dịch vụ quản lý

Giá dịch vụ quản lý được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên giá trị tài sản ròng tại Ngày định giá và được thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ. Số tiền giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Giá dịch vụ quản lý sẽ là 0,5% giá trị tài sản ròng của Quý trên năm và có thể thay đổi khi được Đại hội Nhà đầu tư phê duyệt.

Giá dịch vụ giám sát và lưu ký

Giá dịch vụ giám sát, lưu ký được trả cho Ngân hàng Giám sát để cung cấp dịch vụ ngân hàng giám sát, lưu ký cho Quý. Giá dịch vụ được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên giá trị tài sản ròng tại Ngày định giá và được trả hàng tháng. Số tiền trả dịch vụ hàng tháng là tổng số tiền được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Giá dịch vụ giám sát Quý cho giai đoạn từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là $0,02\% \times \text{Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá} \times \text{Số ngày Theo lịch thực tế của chu kỳ định giá} / \text{số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)}$ và thấp nhất là 5.000.000 VND/tháng (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng).

Giá dịch vụ lưu ký cho giai đoạn từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 đến ngày 31 tháng 10 năm 2020 là $0,06\% \times \text{Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá} \times \text{Số ngày Theo lịch thực tế của chu kỳ định giá} / \text{số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)}$ và thấp nhất là 20.000.000 VND/tháng (không bao gồm thuế giá trị gia tăng).

Giá dịch vụ lưu ký cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 11 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là $0,06\% \times \text{Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá} \times \text{Số ngày Theo lịch thực tế của chu kỳ định giá} / \text{số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)}$ và thấp nhất là 15.000.000 VND/tháng (không bao gồm thuế giá trị gia tăng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.9 Chi phí và giá dịch vụ (tiếp theo)

Giá dịch vụ giao dịch chứng khoán:

<u>STT</u>	<u>Loại dịch vụ</u>	<u>Mức giá dịch vụ</u> <i>(không thuế giá trị gia tăng)</i>
1	Giao dịch cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch	0,03% giá trị giao dịch hoặc Tối thiểu 100.000 đồng/ngày giao dịch và Tối đa 10.000.000 đồng/ngày giao dịch
2	Giao dịch trái phiếu niêm yết	0,01% giá trị giao dịch hoặc Tối thiểu 100.000 đồng/ngày giao dịch và Tối đa 10.000.000 đồng/ngày giao dịch
3	Giao dịch mua bán chứng khoán OTC và các tài sản khác	100.000 đồng/giao dịch

Mức giá dịch vụ trên chưa bao gồm phí thanh toán, giá dịch vụ tài khoản (duy trì tài khoản, internet banking ...) phục vụ cho hoạt động của Quỹ và phân phối cổ tức.

Giá dịch vụ quản trị Quỹ

Giá dịch vụ quản trị Quỹ cho giai đoạn từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là là 0,03% * Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá * Số ngày Theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366) và thấp nhất là 15.000.000 VND/tháng (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng).

Giá dịch vụ soạn thảo báo cáo tài chính sẽ là 5.875.000 đồng/tháng (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) và áp dụng từ ngày quỹ bắt đầu giao dịch theo tần suất hàng ngày.

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

<u>STT</u>	<u>Loại phí</u>	<u>Mức giá dịch vụ</u> <i>(chưa bao gồm thuế GTGT)</i>
1	Giá dịch vụ cố định hàng tháng	10.000.000 đồng/tháng
2	Giá dịch vụ thực hiện quyền - Lập danh sách thực hiện quyền - Phân phối cổ tức	1.000.000 đồng/lần lập danh sách Miễn phí

Phí kiểm toán

Phí kiểm toán phụ thuộc vào kết quả lựa chọn và thương lượng với công ty kiểm toán và sẽ được xác định hàng năm vào cuối năm tài chính của Quỹ.

Phụ cấp Ban Đại diện Quỹ

Các chi phí của Ban Đại diện Quỹ bao gồm chi phí ăn ở, đi lại với mức hợp lý và phù hợp với các quy định tại Điều lệ Quỹ, các chi phí phát sinh từ hoạt động của Ban Đại diện Quỹ để phục vụ cho lợi ích của Quỹ sẽ được tính vào chi phí của Quỹ. Chi phí trên không bao gồm các chi phí bảo hiểm đối với trách nhiệm phát sinh cho Ban Đại diện Quỹ khi thực hiện nghĩa vụ của Ban Đại diện Quỹ. Thù lao của các thành viên của Ban Đại diện Quỹ được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ và tổng mức thù lao không được vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Đại diện đã được thông qua tại Đại hội Nhà đầu tư.

Chi phí khác

Chi phí khác được pháp luật cho phép.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.10 Thuế

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

a. Giao dịch trả cổ tức cho Nhà đầu tư

Khi trả cổ tức cho Nhà đầu tư, Quỹ phải tuân thủ Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 ("Thông tư 78") được sửa đổi bổ sung theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 ("Thông tư 111") được sửa đổi bổ sung theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 ("Thông tư 92") do Bộ Tài chính ban hành và Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 của Tổng Cục Thuế về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư. Theo đó, khi trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ cần giữ lại 20% lợi nhuận được phân phối (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật hiện hành). Khi trả cổ tức cho nhà đầu tư cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% lợi nhuận được phân phối.

b. Giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ

Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ khấu trừ, kê khai thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 08 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành, Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 03 năm 2018 do Bộ Tài chính ban hành. Mức thuế áp dụng là 0,1% giá trị chuyển nhượng. Công ty Quản lý Quỹ sẽ không khấu trừ thuế đối với các giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ Nhà Đầu tư là tổ chức trong nước. Các Nhà Đầu tư này phải chịu trách nhiệm tự kê khai và nộp thuế cho Nhà nước theo Thông tư 78.

4.11 Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Quỹ hoặc chịu sự kiểm soát của Quỹ, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Quỹ. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Quỹ mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Quỹ, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban Đại diện Quỹ, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

4.12 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư 198 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở không được thể hiện trong các báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020

5. CHÊNH LỆCH TĂNG ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ CHƯA THỰC HIỆN

	<i>Giá trị mua theo sổ kế toán VND</i>	<i>Giá trị hợp lý VND</i>	<i>Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31/12/2020 VND</i>	<i>Chênh lệch điều chỉnh số cho giai đoạn tài chính từ 07/02/2020 đến 31/12/2020 VND</i>
Cổ phiếu	4.606.929.000	4.978.500.000	371.571.000	371.571.000
Trái phiếu	29.039.593.306	28.882.477.040	(157.116.266)	(157.116.266)
Chứng chỉ tiền gửi	29.700.000.002	29.700.000.002	-	-
Tổng	63.346.522.308	63.560.977.042	214.454.734	214.454.734

6. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	<i>Giai đoạn tài chính từ 07/02/2020 đến 31/12/2020 VND</i>
Chi phí môi giới, giao dịch mua các khoản đầu tư	22.437.775
	22.437.775

7. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	<i>Giai đoạn tài chính từ 07/02/2020 đến 31/12/2020 VND</i>
Phí quản lý thường niên trả cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	6.367.781
Phí ngân hàng	6.502.710
	12.870.491

Quý Đầu tư Trái phiếu PVCOM

B06-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 (ngày thành lập Quý) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020

8. TỶ LỆ GIAO DỊCH QUA TỪNG CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

Chi tiết giá trị giao dịch và chi phí giao dịch theo từng công ty môi giới chính trong kỳ như sau:

STT	Các Công ty chứng khoán có giá trị giao dịch vượt quá 5% tổng giá trị giao dịch của Quý trong kỳ	Quan hệ với Công ty Quản lý Quỹ	Tỷ lệ giao dịch của Quý qua từng công ty chứng khoán		Phí dịch vụ giao dịch bình quân
			Giá trị giao dịch trong kỳ của Quý VND	Tổng giá trị giao dịch trong kỳ báo cáo của Quý Công ty Chứng khoán trong kỳ báo cáo	
1	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Chi nhánh Hà Nội	Không liên quan	11.353.179.000	31.773.873.000	0,05%
2	Công ty Cổ phần chứng khoán MB	Không liên quan	14.852.515.000	31.773.873.000	0,01%
3	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt - Chi nhánh	Không liên quan	3.028.750.000	31.773.873.000	0,15%
4	Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Không liên quan	2.539.429.000	31.773.873.000	0,15%
Tổng cộng			31.773.873.000	100,00%	

Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM

B06-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020

9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THUẬN

Chi tiết các khoản đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

STT	Các khoản đầu tư	Giá mua (i) VND	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (ii)	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (ii) VND
				Tăng VND	Giảm VND	
I	Cổ phiếu niêm yết					
1	MBB	2.595.929.000	2.760.000.000	164.071.000	-	2.760.000.000
2	HPG	1.121.500.000	1.243.500.000	122.000.000	-	1.243.500.000
3	VPB	889.500.000	975.000.000	85.500.000	-	975.000.000
		4.606.929.000	4.978.500.000	371.571.000	-	4.978.500.000
II	Trái phiếu niêm yết					
1	Trái phiếu doanh nghiệp - MSR118001	9.254.808.452	9.225.037.640	-	(29.770.812)	9.225.037.640
2	Trái phiếu doanh nghiệp - VPL11810	9.673.565.000	9.501.835.400	-	(171.729.600)	9.501.835.400
3	Trái phiếu doanh nghiệp - MSN12001	5.111.219.854	5.155.604.000	44.384.146	-	5.155.604.000
4	Trái phiếu doanh nghiệp - BONDHDG/2020.02	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-	5.000.000.000
		29.039.593.306	28.882.477.040	44.384.146	(201.500.412)	28.882.477.040
III	Chứng chỉ tiền gửi					
1	Chứng chỉ tiền gửi - SHBF20024202003	9.000.000.002	9.000.000.002	-	-	9.000.000.002
2	Chứng chỉ tiền gửi - VPBFC/CCTG7728	4.900.000.000	4.900.000.000	-	-	4.900.000.000
3	Chứng chỉ tiền gửi - CCTG20200115	9.800.000.000	9.800.000.000	-	-	9.800.000.000
4	Chứng chỉ tiền gửi - FECREDIT4	6.000.000.000	6.000.000.000	-	-	6.000.000.000
		29.700.000.002	29.700.000.002	-	-	29.700.000.002

(i) Không bao gồm lãi dự thu của trái phiếu đến ngày mua.

(ii) Không bao gồm lãi dự thu tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020

10. TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND cho hoạt động của Quỹ tại Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành:	41.024.779
- Tiền gửi tài khoản hoạt động và tài khoản thanh toán mua lại CCQ Ngân hàng	41.009.746
- Tiền gửi của nhà Đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	15.033
	41.024.779

11. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Phải thu lãi trái phiếu	943.691.233
Phải thu lãi chứng chỉ tiền gửi	2.004.838.358
	2.948.529.591

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Phải trả phí kiểm toán	77.000.000
Phải trả phí quản lý thường niên của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	6.367.782
	83.367.782

13. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ MỞ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Phải trả giá dịch vụ quản lý Quỹ mở	53.122.395
Phải trả giá dịch vụ lưu ký tài sản	218.544
Phải trả giá dịch vụ quản trị quỹ	66.000.000
Phải trả giá dịch vụ giám sát	22.000.000
Phải trả giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng	11.000.000
	152.340.939

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020

14. VỐN GÓP CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	Đơn vị	Ngày 07 tháng 02 năm 2020 (ngày thành lập Quỹ)	Phát sinh trong kỳ	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Vốn góp phát hành				
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	CCQ	5.010.000,00	2.053.639,71	7.063.639,71
Giá trị tài sản ròng bình quân	VND	10.000,00	10.422,17	10.122,74
Giá trị ghi theo mệnh giá	VND	50.100.000.000	20.536.387.100	70.636.387.100
Thặng dư vốn góp phát hành	VND	-	866.994.873	866.994.873
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	VND	50.100.000.000	21.403.381.973	71.503.381.973
Vốn góp mua lại				
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	CCQ	-	(859.178,90)	(859.178,90)
Giá trị tài sản ròng bình quân	VND	-	10.420,87	10.420,87
Giá trị ghi theo mệnh giá	VND	-	(8.591.789.000)	(8.591.789.000)
Thặng dư vốn góp mua lại	VND	-	(361.602.204)	(361.602.204)
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ	VND	-	(8.953.391.204)	(8.953.391.204)
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành				
	CCQ	<u>5.010.000,00</u>	<u>1.194.459,81</u>	<u>6.204.459,81</u>
Giá trị vốn góp hiện hành				
	VND	<u>50.100.000.000</u>	<u>12.449.990.769</u>	<u>62.549.990.769</u>
Lợi nhuận chưa phân phối				
	VND	<u>-</u>	<u>3.710.445.551</u>	<u>3.710.445.551</u>
Giá trị tài sản ròng hiện hành				
	VND	<u>50.100.000.000</u>	<u>16.160.436.320</u>	<u>66.260.436.320</u>
Giá trị tài sản ròng hiện hành/1 chứng chỉ quỹ				
	CCQ	<u>10.000,00</u>		<u>10.679,48</u>

15. LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ	
Lợi nhuận thuần trong năm	-
Trong đó:	3.710.445.551
- Lợi nhuận đã thực hiện	3.495.990.817
- Lợi nhuận chưa thực hiện	214.454.734
Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ	<u>3.710.445.551</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020

16. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Cho giai đoạn từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 (ngày thành lập Quỹ)
đến ngày 31 tháng 12 năm 2020

STT	Ngày NAV (*)	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	Giá trị tài sản ròng/1 Chứng chỉ Quỹ VND	Tăng/(giảm) giá trị tài sản ròng/1 chứng chỉ quỹ VND
1	07/02/2020	50.100.000.000	5.010.000	10.000,00	-
2	18/02/2020	50.084.663.049	5.010.000	9.996,93	(3,07)
3	25/02/2020	50.065.080.137	5.010.000	9.993,02	(3,91)
4	29/02/2020	50.071.059.406	5.010.000	9.994,22	1,20
5	03/03/2020	50.052.912.281	5.010.000	9.990,60	(3,62)
6	10/03/2020	50.144.613.458	5.010.000	10.008,90	18,30
7	17/03/2020	50.184.620.452	5.010.200	10.016,49	7,59
8	24/03/2020	50.217.590.918	5.010.100	10.023,27	6,78
9	31/03/2020	51.283.458.854	5.110.165	10.035,57	12,30
10	07/04/2020	52.382.010.342	5.209.512	10.055,07	19,50
11	14/04/2020	52.478.309.849	5.209.511	10.073,55	18,48
12	21/04/2020	51.183.808.947	5.074.511	10.086,45	12,90
13	28/04/2020	51.336.783.654	5.082.443	10.100,80	14,35
14	30/04/2020	51.369.690.731	5.084.423	10.103,34	2,54
15	05/05/2020	51.385.373.761	5.084.423	10.106,43	3,09
16	12/05/2020	51.507.609.278	5.084.423	10.130,47	24,04
17	19/05/2020	51.568.091.282	5.084.423	10.142,36	11,89
18	26/05/2020	51.649.574.471	5.084.423	10.158,39	16,03
19	31/05/2020	51.687.807.517	5.084.423	10.165,91	7,52
20	02/06/2020	51.763.021.635	5.084.423	10.180,70	14,79
21	09/06/2020	51.765.509.968	5.084.423	10.181,19	0,49
22	16/06/2020	51.858.171.730	5.084.423	10.199,42	18,23
23	23/06/2020	51.974.406.086	5.084.423	10.222,28	22,86
24	30/06/2020	52.023.796.657	5.084.423	10.231,99	9,71
25	07/07/2020	52.114.924.801	5.084.423	10.249,91	17,92
26	14/07/2020	52.200.739.599	5.084.423	10.266,79	16,88
27	21/07/2020	52.236.388.506	5.084.423	10.273,80	7,01
28	28/07/2020	52.434.934.541	5.090.263	10.301,02	27,22
29	31/07/2020	52.376.788.986	5.090.263	10.289,60	(11,42)
30	04/08/2020	52.442.506.077	5.090.263	10.302,51	12,91
31	11/08/2020	52.642.292.276	5.099.969	10.322,08	19,57
32	18/08/2020	54.227.072.487	5.248.389	10.332,13	10,05
33	25/08/2020	56.099.459.864	5.422.603	10.345,48	13,35
34	31/08/2020	56.145.520.037	5.422.603	10.353,98	8,50
35	02/09/2020	56.182.127.682	5.422.603	10.360,73	6,75
36	08/09/2020	56.252.054.457	5.422.603	10.373,62	12,89
37	15/09/2020	56.418.757.727	5.434.363	10.381,85	8,23
38	22/09/2020	56.448.481.352	5.434.652	10.386,77	4,92
39	29/09/2020	56.525.694.501	5.434.652	10.400,97	14,20
40	30/09/2020	56.526.767.805	5.434.652	10.401,17	0,20
41	06/10/2020	56.586.112.530	5.434.652	10.412,09	10,92
42	13/10/2020	56.735.879.568	5.437.341	10.434,48	22,39
43	20/10/2020	56.879.626.624	5.439.066	10.457,60	23,12
44	27/10/2020	56.953.459.879	5.439.965	10.469,45	11,85
45	31/10/2020	57.319.111.520	5.478.171	10.463,18	(6,27)
46	03/11/2020	57.379.134.567	5.478.171	10.474,14	10,96
47	10/11/2020	62.964.522.257	5.998.501	10.496,71	22,57
48	17/11/2020	63.699.141.522	6.058.710	10.513,64	16,93
49	24/11/2020	63.675.178.931	6.057.943	10.511,02	(2,62)
50	30/11/2020	62.823.267.151	5.963.353	10.534,89	23,87
51	01/12/2020	62.990.760.431	5.963.353	10.562,97	28,08

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020

16. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Cho giai đoạn từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 (ngày thành lập Quỹ)
đến ngày 31 tháng 12 năm 2020

STT	Ngày NAV (*)	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	Giá trị tài sản ròng/1 Chứng chỉ Quỹ VND	Tăng/(giảm) giá trị tài sản ròng/1 chứng chỉ quỹ VND
52	08/12/2020	63.093.345.808	5.963.447	10.580,01	17,04
53	15/12/2020	63.318.783.444	5.970.158	10.605,88	25,87
54	22/12/2020	66.048.744.991	6.205.877	10.642,93	37,05
55	29/12/2020	66.222.127.513	6.207.380	10.668,28	25,35
56	31/12/2020	66.260.436.320	6.204.460	10.679,48	11,20

Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ: 55.042.180.504

Biến động giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ trong kỳ

- ▶ Mức cao nhất trong kỳ (VND) 10.679,48
- ▶ Mức thấp nhất trong kỳ (VND) 9.990,60

(*): Ngày NAV là ngày xác định giá trị tài sản ròng cho ngày định giá liền sau đó

17. SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ ĐANG LƯU HÀNH

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Chứng chỉ Quỹ
Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	6.204.459,81

Quý Đầu tư Trái phiếu PFCOM

B06-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 (ngày thành lập Quý) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020

18. CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC

18.1 Các bên liên quan

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

Các bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	Giai đoạn tài chính từ 07/02/2020 đến 31/12/2020 VND
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	Công ty Quản lý Quỹ	Giá dịch vụ quản lý	275.063.386
Ban Đại diện Quý	Ban Đại diện Quý	Thù lao Ban đại diện Quý	16.484.983

Giá dịch vụ quản lý là 0,5% giá trị tài sản ròng của Quý trên năm và có thể thay đổi khi được Đại hội Nhà Đầu tư phê duyệt.

Số dư trọng yếu với bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	Ngày 07 tháng 02 năm 2020 VND	Phát sinh tăng VND	Phát sinh giảm VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	Công ty Quản lý Quỹ	Phải trả giá dịch vụ quản lý	-	275.063.386	(221.940.991)	53.122.395

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020

19. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quỹ có các khoản đầu tư vào trái phiếu niêm yết, các khoản phải thu, tiền mặt và tiền gửi ngân hàng ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Quỹ. Nợ phải trả tài chính của Quỹ chủ yếu bao gồm các khoản phải trả Công ty Quản lý Quỹ, phải trả nhà cung cấp dịch vụ, phải trả cho Nhà đầu tư và phải trả dịch vụ quản lý Quỹ. Quỹ không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty Quản lý Quỹ đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Đại diện quý liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Quỹ để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Đại diện Quỹ xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản chứng khoán đầu tư.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ chủ yếu liên quan đến tiền và tiền gửi ngân hàng của Quỹ. Những tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quỹ nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quỹ và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Quỹ không áp dụng phương pháp phân tích độ nhạy đối với lãi suất do các khoản tiền gửi và chứng khoán nợ của Quỹ có lãi suất cố định tại ngày lập báo cáo tài chính.

Rủi ro tiền tệ

Quỹ không có rủi ro tiền tệ do trong giai đoạn từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 do Quỹ không thực hiện các giao dịch bằng ngoại tệ.

Rủi ro về giá cổ phiếu và trái phiếu

Các cổ phiếu và trái phiếu do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của trái phiếu đầu tư. Quỹ quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu và trái phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Đại diện Quỹ xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu và trái phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020

19. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ hoạt động đầu tư tài chính của mình, bao gồm trái phiếu và tiền gửi ngân hàng.

Công ty Quản lý Quỹ đánh giá rằng rủi ro tín dụng của Quỹ ở mức thấp vì các khoản tiền gửi, các khoản phải thu là lãi tiền gửi chưa đến hạn tại các Ngân hàng có uy tín hoạt động tại Việt Nam đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt và tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

Chứng khoán niêm yết của Quỹ chỉ được giao dịch tại hoặc phải tuân theo các luật định của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội hoặc với các bên đối tác có chỉ số xếp hạng tín nhiệm cụ thể. Tất cả các hoạt động giao dịch đối với chứng khoán niêm yết được thanh toán hoặc chi trả qua Trung tâm lưu ký chứng khoán và các nhà môi giới đã được chấp thuận. Do đó, rủi ro không được trả nợ được xem là rất nhỏ.

Chi tiết về phân loại chất lượng tín dụng toàn bộ tài sản có liên quan đến rủi ro tín dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

	<i>Không quá hạn và không bị suy giảm</i>	<i>Quá hạn nhưng không bị suy giảm</i>				<i>Tổng</i>
		<i>< 90 ngày</i>	<i>91-180 ngày</i>	<i>180-210 ngày</i>	<i>> 210 ngày</i>	
Ngày 31 tháng 12 năm 2020						
Tiền gửi ngân hàng	41.024.779	-	-	-	-	41.024.779
chứng chỉ quỹ	29.700.000.002	-	-	-	-	29.700.000.002
Các khoản đầu tư tài chính	33.860.977.040	-	-	-	-	33.860.977.040
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	<i>4.978.500.000</i>	-	-	-	-	<i>4.978.500.000</i>
<i>Trái phiếu niêm yết</i>	<i>23.882.477.040</i>	-	-	-	-	<i>23.882.477.040</i>
<i>Trái phiếu không niêm yết</i>	<i>5.000.000.000</i>	-	-	-	-	<i>5.000.000.000</i>
Các khoản cho vay và phải thu	2.948.529.591	-	-	-	-	2.948.529.591
<i>Phải thu lãi tiền gửi</i>	<i>2.004.838.358</i>	-	-	-	-	<i>2.004.838.358</i>
<i>Phải thu lãi trái phiếu niêm yết</i>	<i>752.389.863</i>	-	-	-	-	<i>752.389.863</i>
<i>Phải thu lãi trái phiếu chưa niêm yết</i>	<i>191.301.370</i>	-	-	-	-	<i>191.301.370</i>
	66.550.531.412	-	-	-	-	66.550.531.412

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty Quản lý Quỹ thường xuyên đánh giá các yêu cầu về thanh khoản, phân tích thời gian ra/vào của các luồng tiền và giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền gửi ngân hàng ở mức mà Ban Đại diện Quỹ cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 (ngày thành lập Quý) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020

19. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản tài chính và các khoản nợ phải trả tài chính của Quý dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu tại ngày 31 tháng 12 năm 2020:

	Không xác định thời hạn đảo hạn VND	Đến 01 năm VND	Từ 01 đến 05 năm VND	Trên 05 năm VND	Tổng cộng VND
TÀI SẢN TÀI CHÍNH					
Tiền và tương đương tiền	41.024.779	-	-	-	41.024.779
Chứng chỉ tiền gửi	-	15.800.000.002	13.900.000.000	-	29.700.000.002
Các khoản đầu tư tài chính	4.606.929.000	-	29.039.593.306	-	33.646.522.306
Cổ phiếu niêm yết	4.606.929.000	-	-	-	4.606.929.000
Trái phiếu niêm yết	-	-	24.039.593.306	-	24.039.593.306
Trái phiếu không niêm yết	-	-	5.000.000.000	-	5.000.000.000
Các khoản cho vay và phải thu	-	2.948.529.591	-	-	2.948.529.591
Phải thu lãi tiền gửi	-	2.004.838.358	-	-	2.004.838.358
Phải thu lãi trái phiếu niêm yết	-	752.389.863	-	-	752.389.863
Phải thu lãi trái phiếu chưa niêm yết	-	191.301.370	-	-	191.301.370
	4.647.953.779	18.748.529.593	42.939.593.306	-	66.336.076.678
NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH					
Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ	-	20.842.485	-	-	20.842.485
Phải trả Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-	2.552.241	-	-	2.552.241
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua/mua lại chứng chỉ quỹ	-	30.991.645	-	-	30.991.645
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	-	152.340.939	-	-	152.340.939
Chi phí phải trả	-	83.367.782	-	-	83.367.782
	-	290.095.092	-	-	290.095.092

Quý cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Quý có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn để thực hiện các nghĩa vụ hiện tại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020

20. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT

STT	Chỉ tiêu	Giai đoạn tài chính từ ngày 07/02/2020 đến 31/12/2020
I	Các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động	
1	Tỷ lệ giá dịch vụ quản lý trả cho Công ty Quản lý Quỹ/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (%)	0,55%
2	Tỷ lệ giá dịch vụ lưu ký, giám sát trả cho Ngân hàng Giám sát và VSD/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (%)	0,51%
3	Tỷ lệ giá dịch vụ quản trị quỹ, chi phí đại lý chuyển nhượng và các chi phí khác mà Công ty Quản lý Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (%)	0,61%
4	Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán (nếu phát sinh)/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (%)	0,16%
5	Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban Đại diện Quỹ/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (%)	0,06%
6	Tỷ lệ chi phí hoạt động/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ	1,89%
7	Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ = (Tổng giá trị danh mục mua vào + tổng giá trị danh mục bán ra) x 365 x 100%/ Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ/2/thời gian quỹ đã hoạt động (tính theo ngày từ thời điểm cấp phép) (%)	77,07%
II	Các chỉ tiêu khác	
1	Quy mô quỹ đầu kỳ Tổng giá trị chứng chỉ quỹ đang lưu hành đầu kỳ (theo mệnh giá) (VND) Tổng số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành đầu kỳ (Chứng chỉ quỹ)	50.100.000.000 5.010.000
2	Thay đổi quy mô quỹ trong kỳ Số lượng Chứng chỉ Quỹ phát hành thêm trong kỳ (Chứng chỉ quỹ) Giá trị vốn thực huy động thêm trong kỳ (theo mệnh giá) (VND) Số lượng chứng chỉ quỹ mua lại trong kỳ (Chứng chỉ quỹ) Giá trị vốn thực phải thanh toán trong kỳ khi đáp ứng lệnh của Nhà đầu tư (theo mệnh giá) (VND)	2.053.638,71 20.536.387.100 (859.178,90) (8.591.789.000)
3	Quy mô quỹ cuối kỳ Tổng giá trị chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối kỳ theo mệnh giá (VND) Tổng số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối kỳ (Chứng chỉ quỹ)	62.044.598.100 6.204.459,81
4	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan cuối kỳ (%)	72,66%
5	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của 10 Nhà đầu tư lớn nhất cuối kỳ (%)	99,67%
6	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư nước ngoài cuối kỳ (%)	0,00%
7	Số Nhà đầu tư tham gia vào quỹ cuối kỳ, kể cả giao dịch ký danh	112
8	Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ cuối kỳ	10.679,48

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020

21. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Quỹ.

Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam



Ông Nguyễn Thời Đại
Kế toán Trưởng



Ông Trần Quang Vinh
Giám đốc



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 03 năm 2021

